

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 30-9-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hương Giang

2. Bà Dương Thị Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đồng Văn L, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Lương Thị Nguyệt Q, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Anh L vắng mặt(có đơn xin xét xử vắng mặt), chị Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn anh Đồng Văn L trình bày:

Anh L và chị Q kết hôn ngày 25/3/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, khi đó anh chị đều làm lao động tự do tại phường C. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh L. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Do kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2013, anh và chị Q cùng đi xuất khẩu lao động tại Đ. Vợ chồng sống xa nhau nhưng thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn trên điện thoại. Nguyên nhân là do anh giao thẻ Ngân hàng lĩnh lương của anh cho chị Q giữ nhưng hơn 3 tháng chị Q không gửi tiền lương về gia đình để trả nợ và nuôi con. Khi hai gia đình có hỏi, chị Q nói dối quanh co, rồi trốn khỏi Công ty làm việc và cắt đứt mọi liên lạc với anh. Đến tháng 11 năm 2014, chị Q bị trục xuất về nước nhưng không về nhà anh chung sống mà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai gia đình có hòa giải mâu thuẫn vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Chị Q đi đâu, làm gì cũng không nói cho anh biết và không quan tâm tới con cái. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đồng Lương Gia H, sinh ngày 30/9/2010, hiện đang ở với anh Luân. Nếu vợ chồng ly hôn, anh Luân có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện anh làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng là 3.000.000đồng, cháu Huy ở với anh và ông bà nội từ nhỏ, chị Q không quan tâm, hỏi han hay chăm sóc gì cháu Huy.

Về tài sản, nợ: Anh L và chị Q xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử nhưng chị Quỳnh không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và không trình bày quan điểm ý kiến.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư N, phường C, bà K- Mẹ đẻ chị Q xác nhận: Chị Q và anh L có đăng ký kết hôn vào năm 2010, có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh L. Quá trình sinh sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do nghi ngờ trong về kinh tế và quan hệ tình cảm nam nữ. Nhiều lần, anh chị xảy ra cãi cọ, chửi bới nhau, gia đình không can ngăn được. Từ năm 2014, chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cùng bà K. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Q có biết việc anh Luân xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn nhưng chị bận công việc, không đến Tòa mà tùy anh L muốn giải quyết như thế nào thì theo yêu cầu của anh L. Quan điểm của gia đình bà K và

cơ sở khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh L và chị Q đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đồng Văn L được ly hôn chị Lương Thị Nguyệt Q. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đồng Lương Gia H, sinh ngày 30/9/2010 cho anh Đồng Bá L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đồng Văn L khởi kiện xin ly hôn đối với chị Lương Thị Nguyệt Q có địa chỉ cư trú tại khu dân cư N, phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lương Thị Nguyệt Q là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, anh L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn L và chị Lương Thị Nguyệt Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sinh sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị nghi ngờ nhau về việc làm ăn kinh tế. Từ đó, anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn, xô xát nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất kể từ năm 2016, anh chị đã sống ly thân, bỏ mặc

nhau. Chị Q đi đâu, làm gì không thông báo cho anh L, không quan tâm gì đến con cái. Anh L cũng không tìm đón chị về. Vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Bản thân anh L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn hàn gắn mà đề nghị được ly hôn chị Q. Tòa án đã triệu tập nhiều lần, chị Q biết nhưng không đến Tòa án để làm việc và tham gia buổi hòa giải. Vì thế, Hội đồng xét xử xác định anh chị đã không còn quan tâm, bỏ mặc nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận anh Đồng Văn L ly hôn chị Lương Thị Nguyệt Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Cháu Đồng Lương Gia H, sinh ngày 30/9/2010 đã ở với anh L và ông bà nội từ nhỏ. Chị Q không hỏi han, quan tâm, chăm sóc cháu. Hiện anh L làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng là 3.000.000đồng nên có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì thế, giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh chị, phù hợp nguyện vọng cháu H và phù hợp với quy định của pháp luật. Về yêu cầu cấp dưỡng; Anh L không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh là tự nguyện nên được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh L và chị Q không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đồng Văn L ly hôn chị Lương Thị Nguyệt Q.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đồng Lương Gia H, sinh ngày 30/9/2010 cho anh Luân trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L tự nguyện không yêu cầu chị Quỳnh cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị Q có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Đồng Bá L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002887 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương